

DỰ THẢO

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN

Thuộc dự án: dự án Đường ĐT.770B, huyện Định Quán, Thống Nhất, Cẩm Mỹ, Long Thành và thành phố Long Khánh (đoạn qua xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)									Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc và tài sản khác	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về ổn định đời sống	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm việc làm	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
			Tổng	Phi nông nghiệp			Nông nghiệp															Chưa sử dụng
				Tổng	Đất ở tại nông thôn	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất sản xuất, kinh doanh	Đất trồng lúa											
1	Nguyễn Hồng Trang	158E, Đường Trần Quang Khải, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh	412,2				412,2	412,2				89.653.500		3.030.000	15.903.164				12.000.000	120.586.664		
2	Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành	phường Long Thành, thành phố Đồng Nai.	5.642,7				5.642,7			5.642,7									20.000.000	20.000.000		
3	Trần Văn Út	Đường Lạc Long Quân, phường Tân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh	1.025,1				1.025,1	1.025,1				222.959.250			93.247.997				16.000.000	332.207.247		
4	Phan Văn Vinh	Tổ 9, ấp Cẩm Sơn, xã Cẩm Mỹ, thành phố Đồng Nai	395,5				395,5	395,5				103.225.500			11.074.000				12.000.000	126.299.500		
5	UBND xã Xuân Đường	ấp 3, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	6.919,8	3.730,6		3.730,6																
6	Nguyễn Thái Khoa	159/1/5A Bạch Đằng, phường Tân Sơn Hòa, thành phố Hồ Chí Minh	75,7				75,7	75,7				19.757.700			1.429.338				4.000.000	25.187.038		
7	Nguyễn Thị Huệ	Ấp Phước Hòa, xã Long Phước, thành phố Đồng Nai	0,3				0,3	0,3				78.300							2.000.000	2.078.300		

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)									Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc và tài sản khác	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về ổn định đời sống	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm việc làm	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
			Tổng	Phi nông nghiệp			Nông nghiệp															Chưa sử dụng
				Tổng	Đất ở tại nông thôn	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất sản xuất, kinh doanh	Đất trồng lúa											
8	Ngô Đình Đoàn	Tổ 1, ấp 8, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	6.134	200	200		5.934	5.934				3.064.200.900	457.728.540	347.274.684	140.165.642	6.840.000	2.865.577.500		20.000.000	6.901.787.266		
9	Nguyễn Đăng Minh; Hồ Thị Quýt	Ấp 8, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	2.853,8				2.853,8	2.853,8				1.301.061.510	328.130.000	119.820.340	89.080.512	1.710.000			20.000.000	1.859.802.362		
10	Nguyễn Đăng Hải; Nguyễn Thị Phụng	Tổ 1, ấp 8, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	1.198,4				1.198,4	1.198,4				293.571.495			27.285.137	1.710.000				322.566.632		
11	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	Tổ 1, ấp 8, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	1.487				1.487	1.487				493.627.995	59.179.680	77.384.480	30.717.309	6.840.000	702.607.500			1.370.356.964		
12	Ngô Đình Đoàn; Trần Thị Sen	Tổ 1, ấp 8, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	1.472,8				1.472,8	1.364,5	108,3			943.184.400	128.741.760	82.040.340	25.218.212	6.840.000	1.072.612.500		20.000.000	2.278.637.212		
13	Đào Thị Dung tài sản trên thửa đất số 58 tờ 11 của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	ấp 3 xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai																				
14	Nguyễn Văn Kim Dung tài sản tạo lập trên đất Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Cao su Đồng Nai	ấp 3, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai												2.528.000						2.528.000		
15	Nguyễn Hữu Danh	khu Phước Thuận, xã Long Thành, thành phố Đồng Nai	1.983,7				1.983,7	1.983,7				431.454.750			44.672.589	855.000			16.000.000	492.982.339		

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m ²)									Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc và tài sản khác	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về ổn định đời sống	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm việc làm	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
			Tổng	Phi nông nghiệp			Nông nghiệp															Chưa sử dụng
				Tổng	Đất ở tại nông thôn	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất sản xuất, kinh doanh	Đất trồng lúa											
16	Lê Thị Thúy An	ấp Tự Túc, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	2.828,2				2.828,2	2.828,2				738.160.200	66.744.000	100.369.000	167.583.794	3.420.000			20.000.000	1.096.276.994		
17	Trần Viết Thắng	Ấp 1, xã Long Thành, thành phố Đồng Nai	2.086,8				2.086,8	2.086,8				408.491.100	115.355.880	38.957.400	67.290.634	855.000			20.000.000	650.950.014		
18	Huỳnh Thị Mai	Tổ 14, Ấp 3, xã Xuân Đường, tỉnh Đồng Nai	1.999,5				1.999,5	1.999,5				434.891.250	107.168.200		77.930.610	6.840.000	435.123.000		20.000.000	1.081.953.060		
19	Lâm Khải Trí - Nguyễn Thị Nga	Châu Thới, Phường Châu Phú B, thành phố Châu Đức, tỉnh An Giang	671,7				671,7	671,7				146.094.750		37.915.605	7.689.186	6.840.000			12.000.000	210.539.541		
20	Võ Thị Kim Cương	Ấp 5, xã An Phước, thành phố Đồng Nai	4.326,8				4.326,8	4.326,8				941.079.000		4.770.000	72.365.621	3.420.000			20.000.000	1.041.634.621		
21	Lê Anh Cường - Nguyễn Thị Mỹ Phước	phường Long Thành, thành phố Đồng Nai	141				141	141				30.667.500		51.078.000	11.143.565	1.710.000	31.725.000		12.000.000	138.324.065		
22	Phạm Phú Đức	131/7 Nguyễn Văn Hường, khu phố 5, phường An Khánh, thành phố Hồ Chí Minh	2.029,4				2.029,4	2.029,4				441.394.500		1.812.000	75.937.826	855.000			20.000.000	539.999.326		
23	Hồ Hoàng Long và bà Lê Thị Ngọc Vinh	Khu phố Cẩm Tân, phường Hàng Gòn, thành phố Đồng Nai	3.166,3				3.166,3	3.166,3				688.670.250		167.725.750	86.004.573	2.565.000	712.417.500		20.000.000	1.677.383.073		
24	Phan Văn Bình - Trần Thị Ngọc Anh	Ấp Tự túc, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	2.362,4				2.362,4	2.362,4				513.822.000	334.944.000	44.064.000	82.799.536	1.710.000	531.540.000		20.000.000	1.528.879.536		
25	Phùng Ngọc	439 F13, Phan Văn	5.303,3				5.303,3	5.303,3				1.191.534.600			3.867.023	855.000			20.000.000	1.216.256.623		



STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m²)									Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc và tài sản khác	Giá trị bồi thường, hỗ trợ trợ về cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ trợ về ổn định đời sống	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm việc làm	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
			Tổng	Phi nông nghiệp			Nông nghiệp															Chưa sử dụng
				Tổng	Đất ở tại nông thôn	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng cây hàng năm khác	Đất sản xuất, kinh doanh	Đất trồng lúa											
	Thiện	Trị, phường An Nhơn, thành phố Hồ Chí Minh																				
26	Nguyễn Đăng Hải (Tài sản trên đất ông Nguyễn Đăng Minh)	xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai											385.749.000	203.117.380							588.866.380	
27	Nguyễn Thị Thúy	Ấp 8, xã Xuân Đường, thành phố Đồng Nai	196,6				196,6	196,6				20.525.040		36.288.000	5.320.000	855.000	47.773.800		12.000.000		122.761.840	
Tổng			54.713	3.930,6	200	3.730,6	47.593,2	39.858,5	2.092	5.642,7	0	0	12.518.105.490	1.983.741.060	1.318.174.979	1.136.726.268	54.720.000	6.399.376.800	0	338.000.000	23.748.844.597	
1. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân:																				23.748.844.597		
Trong đó: Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để tính mức trích kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (không bao gồm thưởng bàn giao mặt bằng)																				23.410.844.597		
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%																				819.379.561		
Trong đó:																						
- Kinh phí bồi thường Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Trảng Bom (85%)																				696.472.627		
- Kinh Phí UBND xã Xuân Đường (15%)																				122.906.934		
Tổng cộng (1+2):																				24.568.224.158		

Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ, năm trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm hai mươi bốn ngàn, một trăm năm mươi tám đồng

